

Số: 5618/TCT-QLN
V/v khoan nợ, xóa nợ

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Cao Bằng

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 2547/CTCBA-QLN ngày 04/11/2024 của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng về việc vướng mắc trong công tác khoan nợ, xóa nợ. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về việc xử lý nợ theo Nghị quyết 94/2019/QH14

- Tại khoản 4, Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14 quy định đối tượng được xử lý nợ:

“4. Người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế đã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người nộp thuế có trụ sở hoặc địa chỉ liên lạc để kiểm tra, xác minh thông tin người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh, địa chỉ liên lạc đã đăng ký với cơ quan quản lý thuế;”

- Tại Điều 10 Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài Chính quy định hồ sơ khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14:

“Điều 10. Hồ sơ đối với người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14

1. Hồ sơ khoan nợ tiền thuế

a) Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế giữa cơ quan quản lý thuế với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về việc người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký hoặc Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc Thông báo cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ kinh doanh của cơ quan quản lý thuế (bản chính hoặc bản sao có ký, đóng dấu của cơ quan quản lý thuế);

b) Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp hoặc văn bản xác nhận số tiền thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp người nộp thuế đang nợ đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020 của cơ quan quản lý thuế.

2. Hồ sơ xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp

a) Văn bản đề nghị xóa nợ của cơ quan quản lý thuế nơi người nộp thuế nợ tiền thuế theo mẫu số 01/VBĐN ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người nộp thuế đăng ký địa chỉ hoạt động kinh doanh về việc người nộp thuế không

còn hoạt động sản xuất, kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký theo mẫu số 01/VBXN ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp người nộp thuế là chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì hồ sơ phải có thêm văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi trụ sở chính đăng ký địa chỉ hoạt động kinh doanh về việc trụ sở chính không còn hoạt động sản xuất, kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký hoặc Quyết định xóa nợ của trụ sở chính.

d) Văn bản công khai danh sách người nộp thuế được đề nghị xóa nợ theo mẫu số 01/CK ban hành kèm theo Thông tư này.”

Trường hợp Công ty cổ phần Khoáng sản Thiên Phú thuộc đối tượng được xử lý nợ quy định tại khoản 4 Điều 4, Nghị quyết số 94/2019/QH14 và có đầy đủ hồ sơ khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 69/2020/TT-BTC thì Cục Thuế thực hiện khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo đúng quy định.

2. Về việc khoan tiền thuế nợ theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14

- Tại khoản 4 Điều 83, Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 quy định:

“Điều 83. Các trường hợp được khoan tiền thuế nợ

4. Người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý thuế đã phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nộp thuế có trụ sở hoặc địa chỉ liên lạc để kiểm tra, xác minh thông tin người nộp thuế không hiện diện tại địa bàn và thông báo trên toàn quốc về việc người nộp thuế hoặc đại diện theo pháp luật của người nộp thuế không hiện diện tại địa chỉ nơi người nộp thuế có trụ sở, địa chỉ liên lạc đã đăng ký với cơ quan quản lý thuế.

Thời gian khoan nợ được tính từ ngày cơ quan quản lý thuế có văn bản thông báo trên toàn quốc về việc người nộp thuế hoặc đại diện theo pháp luật của người nộp thuế không hiện diện tại địa chỉ kinh doanh, địa chỉ liên lạc đã đăng ký với cơ quan quản lý thuế.”

- Tại điểm d khoản 1 Điều 23 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ Quy định:

“Điều 23: Thủ tục, hồ sơ, thời gian khoan nợ

1. Hồ sơ khoan nợ

d) Đối với người nộp thuế quy định tại khoản 4 Điều 83 Luật Quản lý thuế: Văn bản xác nhận giữa cơ quan quản lý thuế với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nộp thuế có trụ sở hoặc địa chỉ liên lạc về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh hoặc địa chỉ liên lạc và thông báo của cơ quan quản lý thuế về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực).”

Đối với người nộp thuế thuộc trường hợp được khoan tiền thuế nợ theo khoản 4, Điều 83 Luật Quản lý thuế quy định mà có đủ hồ sơ khoan nợ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23 Nghị định 126/2020/NĐ-CP thì Cục Thuế thực hiện khoan nợ tiền thuế theo đúng quy định.

3. Về trường hợp người nộp thuế phát sinh nghĩa vụ thuế sau xử lý khoan nợ theo Luật Quản lý thuế

Đối với số tiền thuế nợ phát sinh sau thời điểm xử lý khoan nợ thì Cục Thuế thực hiện phân loại nợ khó thu để theo dõi theo hướng dẫn tại quy trình Quản lý nợ ban hành theo quyết định số 1129/QĐ-TCT ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế tỉnh Cao Bằng biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTCT Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Vụ Pháp chế - TCT;
- Website TCT;
- Lưu: VT, QLN (2b).

(3 ; 4)

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ QUẢN LÝ NỢ VÀ CCNT
HỒNG MINH



Đỗ Thị Hồng Minh